

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1977;

Cư trú tại: Tổ 12, ấp S, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Minh P, sinh năm 1972;

Cư trú tại: Tổ 12, ấp S, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2018 và các lời khai tại tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện chung sống vợ, chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây

Ninh. Năm 2002 chị và anh P đã ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2005, chị và anh P chung sống vợ, chồng lại với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Sau khi về chung sống, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh P không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh P có lối sống gia trưởng, áp đặt, không quan tâm đến chị, nhưng chị thừa nhận anh P có lo cho con. Trước năm 2011, anh P đi làm có thu nhập về anh có đưa tiền cho chị để lo trong gia đình. Từ năm 2011, anh P đi làm có tiền thì anh chỉ lo cho cá nhân anh P, không lo trong gia đình. Chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Tuy chị và anh P sống chung một nhà nhưng hai người ăn riêng, sinh hoạt riêng không còn quan tâm đến nhau. Chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn;

- Về con chung: Chị và anh P có hai con chung là cháu Lê Đỗ Khánh T1, sinh ngày 01/3/2000 và cháu Lê Đỗ Linh G, sinh ngày 05/11/2010. Hiện nay cháu T1 đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp chị làm giáo viên, thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng;

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Minh P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị T về quá trình vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn. Năm 2002, do mâu thuẫn về kinh tế, anh và chị T thường xuyên cự cãi với nhau nên vợ, chồng anh đã ly hôn. Đến năm 2005, anh và chị T chung sống lại, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Sau khi chung sống lại, cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T vẫn hạnh phúc. Đến năm 2017, anh nghỉ việc tại Ban quản lý dự án huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, do thu nhập của anh không ổn định nên anh và chị T có mâu thuẫn với nhau về kinh tế; cũng thời gian này anh phát hiện chị T không chung thủy với anh, do đó anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Mặc dù giữa anh và chị T không còn tình cảm với nhau, nhưng nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì anh thương con;

- Về con chung: Anh P xác nhận anh và chị T có 02 con chung như lời chị T trình bày. Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì cháu T1 đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết; anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp anh làm Kỹ sư xây dựng, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng;

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vắng mặt;

- Bị đơn trình bày: Giữa anh và chị T tuy không còn tình cảm, nhưng anh muốn các con có một gia đình trọn vẹn, đầy đủ cha, mẹ nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án xử cho ly hôn và giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian anh cấp dưỡng tính từ ngày 15/01/2019 đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh P chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn, anh P cho rằng giữa anh và chị T chung sống mặc dù hiện nay không còn tình cảm, nhưng vì thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Qua thu thập chứng cứ thể hiện giữa chị T và anh P chung sống không có hạnh phúc, do anh P có tính gia trưởng, sống áp đặt. Hơn nữa, chị T và anh P thừa nhận anh, chị đã sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay và hiện nay chị T và anh P không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, giữa chị T và anh P thời gian sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm và không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh P có 02 con chung là: Cháu Lê Đỗ Khánh T1, sinh ngày 01/3/2000; cháu Lê Đỗ Linh G, sinh ngày 05/11/2010. Cháu T1 hiện nay đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; chị T và anh P đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu dưỡng nuôi con. Xét thấy, công việc của anh P là làm Kỹ sư xây dựng, thường xuyên đi làm xa nhà; hơn nữa cháu G có nguyện vọng muốn sống cùng với chị T, nên giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận

anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian anh P cấp dưỡng tính từ ngày 15/01/2019 đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đỗ Thị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, anh Lê Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Lê Minh P.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh P có 02 con chung là cháu Lê Đỗ Khánh T1, sinh ngày 01/3/2000 và cháu Lê Đỗ Linh G, sinh ngày 05/11/2010. Hiện nay cháu Lê Đỗ Khánh T1 đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Giao chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Đỗ Linh G, sinh ngày 05/11/2010. Ghi nhận anh Lê Minh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đỗ Linh G mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/01/2019 đến khi cháu Lê Đỗ Linh G đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Lê Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Đỗ Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Lê Minh P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị Đỗ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Minh P không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng nếu anh Lê Minh P còn phải trả cho chị Đỗ Thị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh P không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005690 ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Minh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

5. Anh Lê Minh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Na